TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngẫu

2. Ông Nguyễn Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 526/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị N, sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: Tổ 12, ấp 1, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Lưu Xuân Đ, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, ấp 5, xã X, huyện L, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

Chị và anh Lưu Xuân Đ tự nguyện xây dựng gia đình năm 2005, có tổ chức lễ cưới, và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống với gia đình chị tại xã X, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh

Đ có tính gia trưởng, thường xuyên ăn nhậu về đánh đập, chửi bới xúc phạm chị. Đầu năm 2017 vợ chồng sống chung nhà nhưng tự sống ly thân không quan tâm đến nhau đến tháng 7/2017 anh Đ thuê nhà làm xưởng gia công cơ khí và ở lại không về nhà cũng không bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đ ly hôn.

Con chung: Có hai con tên Lưu Xuân V, sinh ngày 02/3/2006 và Lưu Xuân Q, sinh ngày 25/02/2012 . Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai cháu V, Q cho chị tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đã có nhà cửa ổn định trên phần diện tích đất ba mẹ cho và chị đang may gia công tại nhà thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Đ trình bày:

Thời gian và hoàn cảnh xây dựng gia đình, thời gian sống ly thân như chị N khai là đúng. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc là do quan điểm sống không phù hợp, chị N không quan tâm chăm sóc cho gia đình chứ không phải do anh nhậu nhẹt đánh đập, chửi bới vợ.

Chị N xin ly hôn anh không đồng ý.

Con chung: có hai cháu như chị N đã khai, anh không đồng ý để chị N nuôi con vì thu nhập của anh hiện tại là 17.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng mỗi tháng, đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, cháu Lưu Xuân V có bản tự khai đề nghị được sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

- Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo các Điều 222 đến 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị N, xử cho chị N được ly hôn anh Đ. Về con chung: giao cháu Lưu Xuân V, sinh ngày 02/3/2006 và Lưu Xuân Q, sinh ngày 25/02/2012 cho chị N nuôi dưỡng. Tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn anh Lưu Xuân Đ đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn ngày 24 tháng 8 năm 2005) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa anh Đ có mặt và yêu cầu đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Hội đồng xét xử đã hòa giải nhưng kết quả không thành, chị N vẫn kiên quyết ly hôn với anh Đ.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N, anh Đ đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đều xác định sống chung không có hạnh phúc nên đã tự sống ly thân nhau từ tháng 1/2017 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N xử cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

[3].Về con chung: cả hai đều thừa nhận có hai con chung là cháu Lưu Xuân V, sinh ngày 02/3/2006 và Lưu Xuân Q, sinh ngày 25/02/2012.

Anh Đ, chị N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con.

Xét thấy việc giao con cho chị N hay anh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải xem xét điều kiện sống và hoàn cảnh thực tế của mỗi bên. Hiện nay chị N có nhà cửa, thu nhập ổn định, hai cháu được chị N nuôi dạy tốt. Hiện cháu Q còn nhỏ, cháu V đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam giao cháu Q và cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mà để anh Đ tự cấp dưỡng theo khả năng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị N, xử cho chị Võ Thị N được ly hôn anh Lưu Xuân Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Xuân V, sinh ngày 02/3/2006 và Lưu Xuân Q, sinh ngày 25/02/2012 cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Lưu Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lưu Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006667 ngày 27/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBNDX. Phước Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phụng